

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ  
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI**  
(Tiền thân là Công ty TNHH Gia Long)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 13

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (tiền thân là Công ty TNHH Gia Long) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Đức Thanh	Chủ tịch
Bà Lưu Thị Thanh Mai	Thành viên
Ông Bùi Văn Dũng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Bùi Đức Thanh	Giám đốc
Ông Triệu Văn Hợi	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Anh	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 13 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Bùi Đức Thanh**  
**Giám đốc**

*Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011*

Số. /BCKT 2011

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của**  
**Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai**

**Kính gửi:**           **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 13. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Chu Quang Tùng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International**  
*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011*

---

**Nguyễn Hoàng Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>11.204.973.049</b>	<b>10.076.957.488</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>105.236.514</b>	<b>24.462.154</b>
1. Tiền	111		105.236.514	24.462.154
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.217.326.356</b>	<b>1.106.663.948</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.399.753.371	1.099.753.371
2. Trả trước cho người bán	132		806.410.408	-
5. Các khoản phải thu khác	135		11.162.577	6.910.577
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>8.729.041.816</b>	<b>8.811.321.320</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.729.041.816	8.811.321.320
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>153.368.363</b>	<b>134.510.066</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		153.368.363	134.510.066
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>7.765.066.252</b>	<b>8.453.837.354</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.811.955.211</b>	<b>7.199.596.212</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	6.811.955.211	7.199.596.212
- Nguyên giá	222		9.801.293.245	9.032.573.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.989.338.034)	(1.832.977.033)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>953.111.041</b>	<b>1.254.241.142</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>8</b>	953.111.041	1.254.241.142
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>18.970.039.301</b>	<b>18.530.794.842</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>16.925.057.948</b>	<b>16.705.057.948</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.925.057.948</b>	<b>16.705.057.948</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	16.754.000.000	16.534.000.000
2. Phải trả người bán	312		171.057.948	171.057.948
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>2.044.981.353</b>	<b>1.825.736.894</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>10</b>	<b>2.044.981.353</b>	<b>1.825.736.894</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.158.299.000	2.158.299.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(113.317.647)	(332.562.106)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>18.970.039.301</b>	<b>18.530.794.842</b>

\_\_\_\_\_  
**Bùi Đức Thanh**  
Giám đốc  
Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Hoa**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**MẪU B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11	2.012.850.000	3.489.147.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.012.850.000	3.489.147.400
4. Giá vốn hàng bán	11	12	1.520.803.877	2.378.688.966
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		492.046.123	1.110.458.434
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	174.821.777	79.004.026
7. Chi phí tài chính	22		252.000	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		447.371.441	1.196.604.218
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		219.244.459	(7.141.758)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		219.244.459	(7.141.758)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		219.244.459	(7.141.758)

**Bùi Đức Thanh**  
Giám đốc  
Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011

**Nguyễn Thị Hoa**  
Kê toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		219.244.459	(7.141.758)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.156.361.001	899.753.371
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.375.605.460	892.611.613
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(1.304.342.482)	-240.704.510
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		82.279.504	(1.976.425.084)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		-	(965.914.485)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		301.130.101	686.729.808
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>454.672.583</b>	<b>(1.603.702.658)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(768.720.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		174.821.777	79.004.026
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(593.898.223)</b>	<b>79.004.026</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		820.000.000	3.365.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(600.000.000)	(1.830.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>220.000.000</b>	<b>1.535.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>80.774.360</b>	<b>10.301.368</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.462.154	14.160.786
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>		<b>105.236.514</b>	<b>24.462.154</b>

Bùi Đức Thanh  
Giám đốc  
Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Thị Hoa  
Kê toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Gia Long là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 1202000192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp Đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002, ngày 4 tháng 01 năm 2011, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300208618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp với vốn Điều lệ là 85.680.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu; Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế; Tư vấn các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản; Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng; Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng; Mua bán hóa chất, vật tư phân bón phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MÃU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

**Chi phí xây dựng dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất phục vụ sản xuất kinh doanh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Quyết định số 3196/QĐ.CT ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với thuế Thuế thu nhập Doanh nghiệp, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 02 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	97.923.033	13.356.850
Tiền gửi ngân hàng	7.313.481	11.105.304
<b>Cộng</b>	<b>105.236.514</b>	<b>24.462.154</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nguyên liệu vật liệu	875.212.260	575.212.260
Công cụ, dụng cụ	514.231.650	723.417.901
Thành phẩm	7.339.597.906	7.512.691.159
<b>Cộng</b>	<b>8.729.041.816</b>	<b>8.811.321.320</b>

**7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 31/12/2008	4.913.519.032	2.949.357.635	1.040.295.578	129.401.000	9.032.573.245
Tăng trong năm	630.000.000	138.720.000	-	-	768.720.000
Mua trong năm	630.000.000	138.720.000	-	-	768.720.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<b>5.543.519.032</b>	<b>3.088.077.635</b>	<b>1.040.295.578</b>	<b>129.401.000</b>	<b>9.801.293.245</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 31/12/2008	773.577.265	640.649.008	360.430.461	58.320.299	1.832.977.033
Tăng trong năm	466.482.335	515.132.416	163.248.779	11.497.471	1.156.361.001
Khấu hao trong năm	466.482.335	515.132.416	163.248.779	11.497.471	1.156.361.001
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<b>1.240.059.600</b>	<b>1.155.781.424</b>	<b>523.679.240</b>	<b>69.817.770</b>	<b>2.989.338.034</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2008	4.139.941.767	2.308.708.627	679.865.117	71.080.701	7.199.596.212
Tại ngày 31/12/2009	<b>4.303.459.432</b>	<b>1.932.296.211</b>	<b>516.616.338</b>	<b>59.583.230</b>	<b>6.811.955.211</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	953.111.041	1.254.241.142
<b>Cộng</b>	<b>953.111.041</b>	<b>1.254.241.142</b>

**9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<i>Vay các cá nhân (*)</i>	<i>16.754.000.000</i>	<i>16.534.000.000</i>
Trong đó:		
Ông Đoàn Văn Vinh	790.000.000	1.390.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	1.800.000.000	1.600.000.000
Ông Lưu Công Hạc	1.034.000.000	1.034.000.000
Ông Trần Khắc Minh	1.092.000.000	1.092.000.000
Ông Nguyễn Văn Hình	1.430.000.000	1.230.000.000
Bà Bùi Thị Thuý	1.100.000.000	1.100.000.000
Các cá nhân khác	9.508.000.000	9.088.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.754.000.000</b>	<b>16.534.000.000</b>

(\*) Các cá nhân là nhân viên trong Công ty, cho Công ty vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh không tính lãi. Khoản vay có thời hạn 4 năm và không có thế chấp.

**10. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2007	2.158.299.000	(325.420.348)	1.832.878.652
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	7.141.758	7.141.758
Lỗi	-	7.141.758	7.141.758
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>2.158.299.000</b>	<b>(332.562.106)</b>	<b>1.825.736.894</b>
Tại ngày 31/12/2008	2.158.299.000	(332.562.106)	1.825.736.894
Tăng trong năm	-	219.244.459	219.244.459
Lãi	-	219.244.459	219.244.459
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>2.158.299.000</b>	<b>(113.317.647)</b>	<b>2.044.981.353</b>

(\*) Ngày 4 tháng 01 năm 2011, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300208618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp với vốn Điều lệ là 85.680.000.000 đồng, chi tiết góp vốn của chủ sở hữu như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***10. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

Tên thành viên	Số vốn góp	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Bùi Đức Thanh	45.680.000.000	53,5
Bà Lưu Thị Thanh Mai	20.000.000.000	23,3
Ông Bùi Văn Dũng	10.000.000.000	11,6
Bà Phạm Thị Hoài Thương	5.000.000.000	5,8
Bà Bùi Thị Hồng Nhung	5.000.000.000	5,8
<b>Cộng</b>	<b>85.680.000.000</b>	<b>100</b>

**11. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.012.850.000	3.489.147.400
<b>Cộng</b>	<b>2.012.850.000</b>	<b>3.489.147.400</b>

**12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.520.803.877	2.378.688.966
<b>Cộng</b>	<b>1.520.803.877</b>	<b>2.378.688.966</b>

**13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	174.821.777	79.004.026
<b>Cộng</b>	<b>174.821.777</b>	<b>79.004.026</b>

**14. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

Theo Quyết định số 3196/QĐ.CT ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với thuế TNDN, Công ty được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 02 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Năm 2009, Công ty đang bị lỗ lũy kế nên không phải nộp thuế TNDN.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**15. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**16. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**17. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 4 tháng 01 năm 2011, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5300208618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp với vốn điều lệ là 85.680.000.000 đồng.

**18. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

---

**Bùi Đức Thanh**

**Giám đốc**

*Lào Cai, ngày 14 tháng 02 năm 2011*

---

**Nguyễn Thị Hoa**

**Kế toán trưởng**